CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0101058736
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.01.26 09:43:41+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

**Phụ lục V**

**Báo cáo tình hình quản trị Công ty**

**(Ban hành kem theo thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng)**

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Số: 06../BC-CIPC-HĐQT | *Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2024* |

# BÁO CÁO
# TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
**(Năm 2023)**

*( Phục vụ CBTT theo quy định tại khoản 1 điều 4 thông tư 96/2020/TT-BTC)*

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
**- Sở giao dịch chứng khoán**

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, số 131 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội.

- Điện thoại: 0433120165

- Vốn Điều lệ: 45.450.000.000, đồng - Mã chứng khoán: CIP

- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đang thực hiện

## I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

| STT | Số nghị quyết/ Quyết định | Ngày/tháng/năm | Nội dung |
|---|---|---|---|
| | Nghị quyết | 28/4/2023 | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 |
| | Nghị quyết | 27/10/2023 | Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ |

## II. Hội đồng quản trị (năm 2023)

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu không còn là thành viên HĐQT/ HĐTV độc lập | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ngày bổ | Ngày miễn |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | nhiệm | nhiệm |
| 1 | Trần Thị Minh | TV HĐQT | 18/8/2018 | |
| 2 | Trần Văn Long | TV HĐQT | 28/4/2023 | |
| 3 | Phạm Hùng | TV HĐQT | 06/05/2022 | |
| 4 | Phan Huy Hùng | TV HĐQT | 30/6/2021 | 28/4/2023 |

**2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị**

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Thị Minh | 9 | 100% | |
| 2 | Trần Văn Long | 7 | | Bổ nhiệm 28/4/2023 |
| 3 | Phạm Hùng | 9 | 100% | |
| 4 | Phan Huy Hùng | 03 | | Miễn nhiệm 28/4/2023 |

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:**

Trong tất cả các hoạt động điều hành của Ban Giám đốc đều có sự giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời của HĐQT, do đó các công việc điều hành sản xuất được duy trì và xử lý kịp thời.

**4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có):** Không có

**5. Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT (năm 2023)**

| STT | Số BB/NQ/ QĐ | Ngày tháng năm | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 1 | BB/NQ số 20 | 17/02/2023 | 1. Thông qua BCKQSXKD 2022, KH 2023<br>2. Thông qua bổ nhiệm TP QLTC<br>3. Bổ nhiệm người phụ trách QT Cty<br>4. Thông qua TT05 về quản lý, khai thác cho thuê TS 150/72 Nguyễn Trãi.<br>5. Thống nhất chủ trương khai thác đầu tư tại VPDD QN | 3/3 = 100% |
| 2 | BB/NQ số 21 | 09/03/2023 | 1. Thông qua tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty.<br>2. Cử người đại diện phần vốn của CIPC tại Vinaincon, Bao bì Sông Công, BTLT Hải Dương | 3/3 = 100% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 3 | BB/NQ số 22 | 04/04/2023 | 1. Thời gian, địa điểm ĐHĐCD thường niên 2023<br>2. Thông qua các nội dung trình ĐH<br>3. Điều chỉnh HĐ thuê Giám đốc. | 3/3 = 100% |
| 4 | BB/NQ số 23 | 23/5/2023 | Thông qua các nội dung xin biểu quyết tại ĐHCĐ Cty BTLT Vinaincon | 3/3 = 100% |
| 5 | BB/NQ số 24 | 21/6/2023 | 1. Thông qua các nội dung xin biểu quyết tại ĐHCĐ Cty CP Bao bì Sông Công<br>2. Đề cử người ĐDV tham gia ứng cử TVHĐQT<br>3. Giới thiệu người tham gia ứng cử BKS | 3/3 = 100% |
| 6 | BB/NQ số 25 | 20/7/2023 | 1. Ghi nhận kết quả điều hành SXKD 6 tháng đầu năm 2023.<br>2. Đồng ý chủ trương đầu tư XD trường tiểu học tại số 1 Đại Đồng, Thanh Trì.<br>3. Tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc bổ xung NNKD phù hợp định hướng phát triển của Công ty.<br>4. Chấp thuận thông qua nội dung chủ yếu của HĐKT liên quan đến người nội bộ. Giao ông Giám đốc thực hiện theo đúng quy định của PL.<br>5. Điều chỉnh HĐLĐ của Giám đốc Công ty | 3/3 = 100% |
| 7 | BB/NQ số 26 | 29/7/2023 | Chấp thuận lựa chọn đơn vị kiểm toán | 3/3 = 100% |
| 8 | BB/NQ số 27 | 07/9/2023 | Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để thông qua nội dung thay đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ | 3/3 = 100% |
| 7 | BB kiểm phiếu lấy ý kiến CĐ bằng văn bản | 16/9/2023 | Nội dung lấy ý kiến CĐ bằng văn bản không được thông qua | 3/3 = 100% |
| 9 | Nghị quyết số 28 | 03/11/2023 | Đồng ý chủ trương đầu tư XD trường tiểu học tại số 1 Đại Đồng, Thanh Trì. | 3/3 = 100% |

## III. Ban kiểm soát

### 1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ Không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|---|---|---|---|---|
| | Ngô Đức Cường | Trưởng ban | Ngày bắt đầu: 25/5/2019 | Cử nhân kinh tế |
| | Trần Đức Hoàng | Thành viên | Ngày bắt đầu: 29/5/2020 | Kỹ sư xây dựng |
| | Nguyễn Thị Bích hạnh | thành viên | Ngày bắt đầu: 29/5/2020 | Cử nhân kinh tế |

### 2. Cuộc họp của BKS

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ngô Đức Cường | 03 | 100% | 100% | |
| 3 | Trần Đức Hoàng | 03 | 100% | 100% | |
| 4 | Nguyễn Thị Bích hạnh | 03 | 100% | 100% | |

### 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BGĐ điều hành và cổ đông

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ của mình đối với hoạ động của HĐQT và Ban Giám đốc điều hành và cổ đông.

### 4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BGĐ điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát thường xuyên có sự phối hợp trao đổi công việc, các kiến nghị của BKS đối với HĐQT và BGĐ điều hành và các cán bộ quản lý khác

### 5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)

## IV. Ban điều hành:

| STT | Thành viên BĐH | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm miễn nhiệm thành viên BĐH |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Văn Long - Giám đốc | 07/12/1976 | Kỹ sư XD | Ngày BN: 06/7/2022 |
| 2 | Phạm Hùng | 29/9/1973 | Cử nhân KT | Ngày BN: 01/5/2016 |
| 3 | Nguyễn Hùng Anh | 05/11/1982 | Kỹ sư XD | Ngày BN: 01/11/2020 |

**V Kế toán trưởng**

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---|---|---|---|
| Đỗ Văn Hùng | 01/12/1977 | Cử nhân KT | Ngày BN: 01/9/2016 |

**VI. Đào tạo về quản trị Công ty:**

Các khóa về đào tạo quản trị Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về Quản trị Công ty: Không có

**VII. Danh sách về người có liên quan của Công ty đại chúng (báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty**

1. **Danh sách về người có liên quan của Công ty**

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | TKGD CK (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ | Thời điểm là người bắt đầu có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ có liên quan với Công ty |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam | | Công ty mẹ | MSDN: 0100779365, Lần 7 ngày 19/8/2020 | Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội | Tháng 01/2006 | | | Công ty mẹ (nắm giữ 52,15%) |
| 2 | **Hội đồng quản trị** | | | | | | | | |
| 2.1 | Trần Thị Minh | | Chủ tịch HĐQT | | | 18/8/2018 | | | |
| 2.2 | Trần Văn Long | | TV HĐQT | | | 28/4/2023 | | | |
| 2.3 | Phạm Hùng | | TV HĐQT | | | 06/5/2022 | | | |
| 3 | **Ban kiểm soát** | | | | | | | | |
| 3.1 | Ngô Đức Cường | | TBKS | | | 25/5/2019 | | | |
| 3.2 | Nguyễn Thị Hạnh | | TV BKS | | | 29/5/2020 | | | |
| 3.3 | Trần Đức Hoàng | | TV BKS | | | 29/5/2020 | | | |
| 4 | **BGĐ điều hành** | | | | | | | | |
| 4.1 | Trần Văn Long | | Giám đốc | | | 06/7/2022 | | | |
| 4.2 | Phạm Hùng | | P. Giám đốc | | | 01/5/2016 | | | |
| 4.3 | Nguyễn Hùng Anh | | P. Giám đốc | | | 01/5/2020 | | | |
| 4.4 | Đỗ Văn Hùng | | Kế toán trưởng | 001077045927 | | 01/9/2016 | | | |
| 5 | Nguyễn Thị Hương | | TK Công ty, | 019175000072 | | 01/9/2017 | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giang | | người phụ trách QT Công ty, Người được UQ CBTT | | | | | | |

Ghi chú: Số giấy NSH: Số CMTND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCNĐKDN/ Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH

**2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:**

Không có

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với Công ty | Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | |

Ghi chú: Số giấy NSH: Số CMTND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCNĐKDN/ Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH

**3. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát:**

Không có

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại TCNY | Số CMT/HC | Địa chỉ | Tên Công ty con/ Công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | |

**4. Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác: Không có**

4.1 Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian 3 năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

4.2 Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không có

4.3 Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, giám đốc và người quản lý khác: Không có

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (báo cáo năm)**

**1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

| STT | Họ tên người có liên quan của người nội bộ | TKGDCK (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số CMND/HC, ngày cấp, nơi cấp ID card | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Trần Thị Minh** | | Chủ tịch HĐQT | | | 0 | | |
| 1.1 | Trần Anh Tuấn | | | | | 0 | | Bố đẻ |
| 1.2 | Trịnh Thị Lưu | | | | | 0 | | Mẹ đẻ |
| 1.3 | Nguyễn Danh Quân | | | | | 0 | | Chồng |
| 1.4 | Nguyễn Danh Vương | | | | | 0 | | Con |
| 1.5 | Nguyễn Phương Nguyên | | | | | 0 | | Con |
| 1.6 | Trần Văn Anh | | | | | 0 | | Anh trai |
| 1.7 | Trần Đăng Thông | | | | | 0 | | Em trai |
| 2 | **Trần Văn Long** | | TVHĐQT, Giám đốc | | | 21.000 | 0,05% | |
| 2.1 | Trần Văn Lăng | | | | | 0 | | Bố |
| 2.2 | Nguyễn Thị Oanh | | | | | 0 | | Mẹ |
| 2.3 | Nguyễn Thị Nguyệt Nga | | | | | 0 | | Vợ |
| 2.4 | Trần Thuỳ Linh | | | | | 0 | | Con |
| 2.5 | Trần Tuấn Khải | | | | | 0 | | Con |
| 2.6 | Trần Văn Dân | | | | | 0 | | Anh trai |
| 2.7 | Công ty CP Đầu tư Landcom | | | | | 0 | | Ông Trần Văn |

| STT | Họ tên người có liên quan của người nội bộ | TKGDCK (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số CMND/HC, ngày cấp, nơi cấp ID card | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Long làm Chủ tịch HĐQT |
| **3** | **Phạm Hùng** | | TVHĐQT, PGĐ | | | 0 | | |
| 3.1 | Phạm Xuân Quỳnh | | | | | 0 | | Bố |
| 3.2 | Hoàng Thị Dương | | | | | 0 | | Mẹ |
| 3.3 | Đào Thị Hồng Thúy | | | | | 0 | | Vợ |
| 3.4 | Phạm Quốc Dũng | | | | | 0 | | Con |
| 3.5 | Phạm Kim Ngân | | | | | 0 | | Con |
| 3.6 | Phạm Thị Dậu | | | | | 0 | | Chị gái |
| 3.7 | Đỗ Văn Thành | | | | | 0 | | Anh rể |
| 3.8 | Phạm Quốc Việt | | | | | 0 | | Em trai |
| 3.9 | Nguyễn Thị Nguyệt Anh | | | | | 0 | | Em dâu |
| **4** | **Nguyễn Hùng Anh** | | PGĐ | | | 0 | | |
| 4.1 | Nguyễn Hùng Tuấn | | | | | 0 | | Bố |
| 4.2 | Nguyễn Thị Nghĩa | | | | | 0 | | Mẹ |
| 4.3 | Đặng Thị Thúy | | | | | 0 | | Vợ |
| 4.4 | Nguyễn Trung Hiếu | | | | | 0 | | Con |

| STT | Họ tên người có liên quan của người nội bộ | TKGDCK (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số CMND/HC, ngày cấp, nơi cấp ID card | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4.5 | Nguyễn Bảo Linh | | | | | 0 | | Con |
| 4.6 | Nguyễn Bảo Ngân | | | | | 0 | | Con |
| 4.7 | Nguyễn Quỳnh Anh | | | | | 0 | | Em gái |
| 4.8 | Nguyễn Anh Dũng | | | | | 0 | | Em rể |
| 4.9 | Công ty CP xây lắp và đầu tư xây dựng Hậu Phát | | | | | 0 | | Ông Nguyễn Hùng Anh làm Giám đốc |
| **5** | **Đỗ Văn Hùng** | | KTT | | | 0 | | |
| 5.1 | Đỗ Văn My | | | | | 0 | | Bố |
| 5.2 | Nguyễn Thị Lưu | | | | | 0 | | Mẹ |
| 5.3 | Lưu Thị Thủy | | | | | 0 | | Vợ |
| 5.4 | Đỗ Chí Huy | | | | | 0 | | Con |
| 5.5 | Đỗ Bảo Linh | | | | | 0 | | Con |
| 5.6 | Đỗ Thị Loát | | | | | 0 | | Chị gái |
| 5.7 | Nguyễn Văn Đông | | | | | 0 | | Anh rể |
| **6** | **Ngô Đức Cường** | | Trưởng Ban kiểm soát | | | 0 | | |
| 6.1 | Ngô Đức Chính | | | | | 0 | | Bố |

| STT | Họ tên người có liên quan của người nội bộ | TKGDCK (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số CMND/HC, ngày cấp, nơi cấp ID card | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6.2 | Đinh thị Huề | | | | | 0 | | Mẹ |
| 6.3 | Phạm Thị Thanh Tịnh | | | | | 0 | | Vợ |
| 6.4 | Ngô Phạm Khánh Linh | | | | | 0 | | Con |
| 6.5 | Ngô Đức Anh | | | | | 0 | | Con |
| 6.6 | Ngô Đức Tuấn | | | | | 0 | | Em trai |
| 6.7 | Nguyễn Thị Hoa | | | | | 0 | | Em dâu |
| **7** | **Nguyễn Thị Bích Hạnh** | | TVBKS | | | 0 | | |
| 7.1 | Nguyễn Văn Nhỏ | | | | | 0 | | Bố đẻ |
| 7.2 | Lê Thị Hằng | | | | | 0 | | Mẹ đẻ |
| 7.3 | Nguyễn Văn Hường | | | | | 0 | | Chồng |
| 7.4 | Nguyễn Tiến Minh | | | | | 0 | | Con trai |
| 7.5 | Nguyễn Tiến Thông | | | | | 0 | | Con trai |
| 7.6 | Nguyễn Minh Đức | | | | | 0 | | Anh trai |
| 7.7 | Tô Thị Phương Lan | | | | | 0 | | Chị dâu |
| 7.8 | Nguyễn Thị Thanh Hương | | | | | 0 | | Em gái |
| 7.9 | Nguyễn Đức Minh | | | | | 0 | | Em rể |
| **8** | **Trần Đức Hoàng** | | TVBKS | | | 0 | | |
| 8.1 | Trần Đức Tập | | | | | 0 | | Bố đẻ |
| 8.2 | Cao Thị Cúc | | | | | 0 | | Vợ |

| STT | Họ tên người có liên quan của người nội bộ | TKGDCK (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số CMND/HC, ngày cấp, nơi cấp ID card | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8.3 | Trần Đức Cường | | | | | 0 | | Con trai |
| 8.4 | Trần Đức Kiên | | | | | 0 | | Con trai |
| 8.5 | Trần Đức Minh Trí | | | | | 0 | | Con trai |
| 8.6 | Trần Mạnh Phương | | | | | 0 | | Anh trai |
| 8.7 | Trần Thị Thế Lộc | | | | | 0 | | Chị dâu |
| 8.8 | Trần Thuý Mai | | | | | 0 | | Chị gái |
| 8.9 | Lê Quang Dũng | | | | | 0 | | Anh rể |
| **9** | **Nguyễn Thị Hương Giang** | | Thư ký Công ty, người phụ tráchQTCT, Người được uỷ quyền CBTT | | | 0 | | |
| 9.1 | Nguyễn Thị Bích Vân | | | | | 0 | | Mẹ đẻ |
| 9.2 | Bùi Quang Chiến | | | | | 0 | | Chồng |
| 9.3 | Bùi Quang Chính | | | | | 0 | | Con trai |
| 9.4 | Nguyễn Nam Du | | | | | 0 | | Anh trai |
| 9.5 | Ngô Thuỳ Điệp | | | | | 0 | | Chị dâu |
| 9.6 | Nguyễn Tư Duy | | | | | 0 | | Em trai |
| 9.7 | Vũ Thanh Nga | | | | | 0 | | Em dâu |

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:** Không có

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng giảm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | tỷ lệ | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:** Không có

***Nơi nhận:***
*- Như kính gửi;*
*- Lưu VT,HĐQT.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

**TRẦN THỊ MINH**